

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HOÀNG MAI
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 44/2019/HSST

Ngày: 21/02/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Diệu Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Bình

2. Ông Nguyễn Văn Vỹ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Anh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Ngọc Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 36/2019/HSST ngày 28 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/HSST-QĐ ngày 12/02/2019 đối với bị cáo:

DƯƠNG THỊ M (tên gọi khác: N), sinh năm 1958 tại Hà Nội; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 169, phố M, phường L, quận H, Hà Nội; Nơi tạm trú: Số 5C, ngách 151/51, tổ 52, phường T, quận H, Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 2/10; Dân tộc: Kinh; Con ông: Dương Đoàn K, con bà: Vũ Thị C; Có chồng là Nguyễn Văn T và 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; Về nhân thân: Trong các năm 1975, 1980, 1984, 2014, bị xử lý hành chính về các hành vi cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người khác, trộm cắp tài sản và đánh bạc (đã hết thời hiệu); Ngày 12/05/1983, Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách 24 tháng kể từ ngày tuyên án về tội “Trộm cắp tài sản riêng công dân” (đã xóa án tích). Bị bắt quả tang ngày 30/06/2018. Bị cáo hiện đang tại ngoại - Có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1971; Nơi cư trú: Xã D, huyện T, Hà Nội - Vắng mặt

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Trần Thị T, sinh năm 1960; Nơi cư trú: Tổ 10, phường T, quận H, Hà Nội - Vắng mặt

2. Ông Trần Văn M, sinh năm 1939; Nơi cư trú: Số 81, ngõ 1277/134, tổ 10, phường T, quận H, Hà Nội- Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 9 giờ 30 phút ngày 30/06/2018, tại Chợ đầu mối phía Nam thuộc phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, Hà Nội, Công an phường Hoàng Văn Thụ phối hợp với quần chúng nhân dân phát hiện, bắt quả tang Dương Thị M có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe máy điện, BKS 29MĐ1-93390 của chị Trần Thị T (sinh năm 1960; Trú tại: Tổ 10, phường T, quận H, Hà Nội) đang gửi tại Bãi gửi xe chợ đầu mối phía Nam do chị Nguyễn Thị N (sinh năm 1971, trú tại: Xã D, huyện T, Hà Nội) là người trông giữ.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 130/HĐĐG ngày 13/08/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, chiếc xe máy điện có giá trị 14.500.000 đồng (*Mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng*)

Tại cơ quan điều tra, Dương Thị M khai nhận: Do không có công ăn việc làm, lại bị bệnh, không có tiền chi tiêu nên khoảng 07 giờ 30 phút ngày 30/06/2018, M đi bộ một mình đến chợ đầu mối phía Nam, khi đi qua cổng số 2, phát hiện 01 chiếc xe máy điện đang dựng trong bãi gửi xe ngoài cổng chợ. Sau khi quan sát, không thấy có người trông coi nên M nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe. M đi vào bãi xe, đến gần, thấy chiếc xe không khóa cở, khóa càng nên đã dắt xe ra khỏi bãi xe và đang dắt sang đường thì bị phát hiện, bắt giữ.

Cơ quan Công an đã thu hồi tài sản, trao trả cho người bị hại, người bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự.

Tại bản cáo trạng số 52/CT-VKS ngày 18 tháng 01 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai truy tố Dương Thị M về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo kết luận: Giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Khoản 1 Điều 173, điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015; sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt: Dương Thị M từ 10 đến 12 tháng

tù. Miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Về vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 “vé trông giữ xe máy ban ngày” ghi ngày 30/06/2018.

Tại phiên toà: Bị cáo Dương Thị M khai nhận hành vi phạm tội như đã khai tại cơ quan điều tra, thừa nhận nội dung, tội danh cáo trạng Viện kiểm sát truy tố là đúng.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về các tài liệu, chứng cứ do Cơ quan điều tra Công an quận Hoàng Mai, Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai thu thập; về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Hoàng Mai, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các tài liệu, chứng cứ do cơ quan điều tra, Viện kiểm sát thu thập và không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các tài liệu, chứng cứ và hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thu thập, thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh: Ngày 30/06/2018, bằng thủ đoạn lén lút, Dương Thị M đã chiếm đoạt 01 chiếc xe máy điện BKS 29MĐ1-93390, có giá trị 14.500.000 đồng, là tài sản thuộc sở hữu của chị Trần Thị T do chị Nguyễn Thị N là người đang trực tiếp trông giữ, quản lý. Đối chiếu Pháp luật, Dương Thị M đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Viện kiểm sát truy tố bị cáo ra xét xử theo tội danh và điều luật đã viện dẫn là có căn cứ pháp lý

[3]. Về tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản, làm mất trật tự trị an xã hội, gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong nhân dân. Do tính chất nghiêm trọng của vụ án, để đấu tranh phòng chống tội phạm, trong đó có tội xâm phạm sở hữu, góp phần bảo vệ tài sản của nhân dân, cần thiết phải xử lý bị cáo bằng Pháp luật hình sự.

[4]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

của bị cáo: Bị cáo M đã có 01 tiền án và 04 tiền sự. Mặc dù, tiền án đã được xóa, các tiền sự đã hết thời hiệu nhưng thể hiện bị cáo là người có nhân thân xấu, đã được cơ quan pháp luật cải tạo, giáo dục nhiều lần nhưng không chịu sửa chữa, có ý thức coi thường Pháp luật.

Để cải tạo, giáo dục bị cáo và làm bài học răn đe người khác, cần áp dụng hình phạt tương ứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian. Khi quyết định hình phạt, có xem xét tình tiết: *Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo* để giảm một phần hình phạt cho các bị cáo theo quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là đối tượng không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[6]. Về dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản; do người bị hại, người liên quan không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự nên Hội đồng xét xử không xét.

[7]. Về vật chứng: 01 “vé trông giữ xe ban ngày” số 0024564 ngày 30/06/2018 là tài liệu liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên lưu giữ làm tài liệu trong hồ sơ vụ án.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH16 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[9]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 173, Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ Điều 106, Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH16 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[1]. Xử phạt: Dương Thị M 08 (tám) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

[2]. Về vật chứng: Lưu giữ làm tài liệu trong hồ sơ vụ án 01 “**vé trông giữ xe ban ngày**” số 0024564 ngày 30/06/2018.

[3]. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[4]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án

Nơi nhận :

- Người tham gia tố tụng,
- VKSND Q. Hoàng Mai,
- Chi cục thi hành án dân sự Q. Hoàng Mai,
- Công an quận Hoàng Mai,
- TAND thành phố Hà Nội
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Diệu Thúy